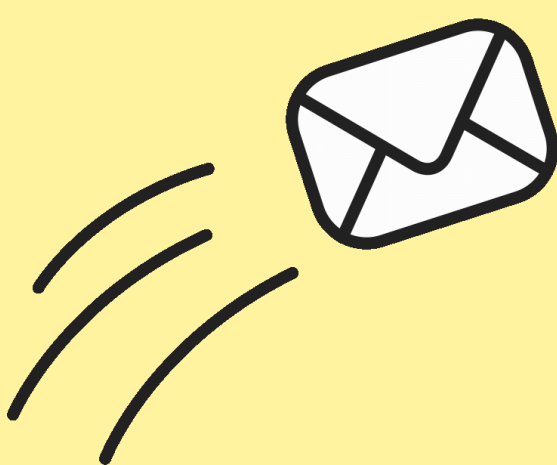


TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 13 QUẬN 6

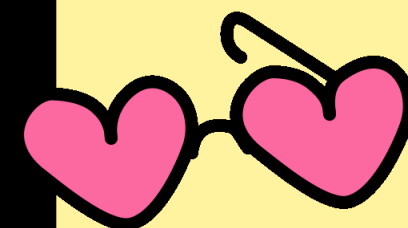
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

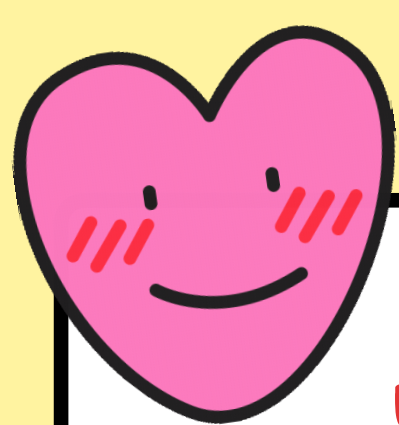


THÁNG 11



KHỞI NHÀ TRẺ
(24 - 36 THÁNG)





THẺ CHẤT

MỤC TIÊU

* Phát triển vận động

- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân
- Trẻ thực hiện được vận động cử động của bàn tay, ngón tay: thực hiện "múa khéo"
- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.

* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau
- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh, ...).
- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng.

NỘI DUNG GIÁO DỤC

- Hô hấp: tập hít vào, thở ra.
- Tay: giơ cao, đưa ra trước
- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên.
- Chân: co duỗi từng chân.
- Các bài tập cho gang bàn chân: đi trên vật mềm, vật cứng, vật nhám..
- Đi có mang vật trên tay, đầu.
- Bật tại chỗ
- Đóng cọc bàn gỗ
- Cử động bàn tay, ngón tay: xoa tay, chạm các đầu ngón tay
- Nhào đất nặn, vẽ tổ chim
- Khâu, luồn dây vòng tay, chuỗi đeo cổ.
- Chồng xếp đồ vật cạnh nhau(ngang-dọc), xếp chồng 6-8 khối
- Chấp, ghép hình
- Bỏ chén, muỗng dơ vào đúng chỗ, nhẹ nhàng
- Thể hiện bằng lời nói khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định
- Không cho vật nhỏ vào mũi, tai, miệng, rốn.

NGÔN NGỮ

MỤC TIÊU

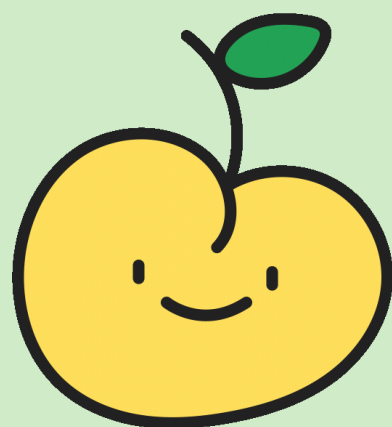
- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay
- Trẻ trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)
- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
- Trẻ phát âm rõ tiếng.
- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:
- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.

NỘI DUNG

- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc
- Nghe các ngữ điệu, nhịp điệu khác nhau (chuyện, thơ, đồng dao, lời nói trong giao tiếp hàng ngày)
- Nghe giọng nói khác nhau, nhận ra giọng nói người thân, cô.
- Nghe hát, thơ, ca, đồng dao, chuyện (có nội dung phù hợp với trẻ)
- Nghe đọc sách
- Phát âm rõ tiếng.
- Nói to, đủ nghe, lễ phép
- Văn hóa nghe nói: chú ý nghe để hiểu câu hỏi, yêu cầu., lễ phép, thưa gửi, dạ, biết xưng hô đúng, chào hỏi khi gặp khách, cảm ơn, xin lỗi)
- Thích nghe đọc sách.
- Mở sách, lật sách, gọi tên sự vật và hành động của các nhân vật trong tranh minh họa sách

MỤC TIÊU

- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
- Trẻ biết nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi
- Trẻ biết nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi
- Trẻ biết nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, quen thuộc
- Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.
- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu..



NỘI DUNG

Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.

Nếm vị của một số thức ăn uống: ngọt, mặn, chua

Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm trơn(nhẵn) – xù xì.

Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.

Tên và chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.

Phân biệt màu của đồ vật.

Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân

Biết tên mình, tên thân mật ở nhà, tuổi, trai gái

Nhận ra đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp.

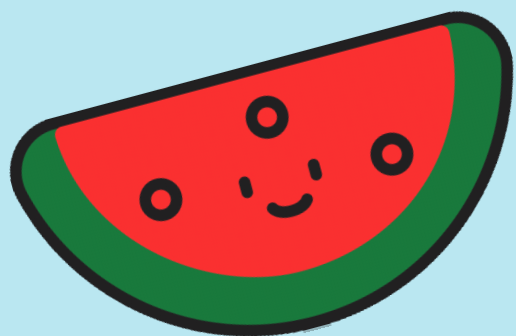
Biết tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.

Biết tên cô giáo và quan sát công việc của cô giáo làm hằng ngày để chăm sóc bé.

Biết tên cô giáo, một số bạn, nhóm/lớp

NHÂN THỨC

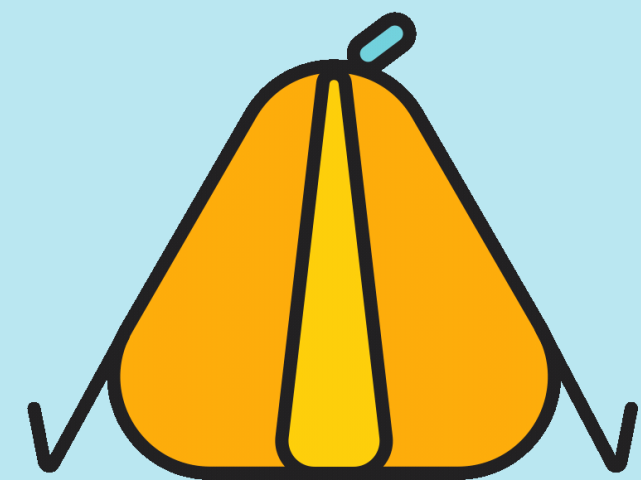




THẨM MỸ

MỤC TIÊU

- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).
- Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích..
- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi...
- Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ)
- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ..
- Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.
- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu vẽ nguệch ngoạc)..



THẨM MỸ

NỘI DUNG

- Thể hiện điều mình thích và không thích.
- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.
- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ, lời nói.
- Nhận ra cảm xúc của mình và người khác: vui, buồn, sợ hãi, giận dữ, ngạc nhiên, lo lắng.
- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
- Gần gũi, cởi mở, vui vẻ với cô và các bạn.
- Biết chào hỏi, thưa gửi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, chờ đợi đến lượt với sự nhắc nhở của cô
- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn không tranh giành đồ chơi với bạn.
- Tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn vào xô theo từng loại, bưng ghế nhẹ nhàng
- Biết nhặt cơm rơi vãi bỏ vào đĩa
- Nghe hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc với các giai điệu khác nhau : nghe âm thanh của các nhạc cụ. hưởng ứng bằng vỗ tay, vẫy, xoay tay, lắc lư người, nhún nhảy.
- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, vẽ nguyệt xích ngoạc, nặn, xé, vò, xếp hình.
- Xem tranh

HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI

TRÒ CHƠI SÁNG TẠO

TRÒ CHƠI GIẢ BỘ

1. Nội dung cốt truyện của trò chơi

- Sự đa dạng của đề tài chơi trong phạm vi sinh hoạt của bé ở gia đình

2. Kỹ năng chơi giả bộ.

- Chơi với tình huống giả bộ đa dạng

3. Phối hợp với bạn trong khi chơi.

- Chơi cạnh bạn

4. Tự lực chơi

- Chơi theo các bạn

- Cần sự gợi ý thường xuyên của cô giáo

TRÒ CHƠI XÂY DỰNG

1. Hoạt động kiến tạo mô hình

- Kỹ năng “xây dựng”: Biết xếp chồng, đặt các khối gỗ sát cạnh nhau để tạo ra mô hình xây dựng là khối đặc, phát triển theo phương thẳng đứng hoặc nổi dài trên mặt phẳng

2. Mô hình xây dựng.

- Là hình ảnh mô phỏng của đồ vật nhất định

3. Phối hợp chơi với bạn, chơi một mình

- Trẻ chơi 1 mình

4. Khả năng tự lực:

- Chơi ở mức cần sự trợ giúp thường xuyên của giáo viên

TRÒ CHƠI CÓ LUẬT

Thực hiện hành động chơi:

- Tích cực, hứng thú
- Loại hành động phù hợp với độ tuổi

2. Tuân thủ quy tắc của trò chơi

- Không chú ý đến quy tắc của trò chơi, thường vi phạm

4. Khả năng tự lực:

- Tham gia khi trò chơi được giáo viên bắt đầu (trò chơi vận động). Hoặc gợi ý (trò chơi học tập)
- Tự lấy và cất đồ chơi

3. Phối hợp với bạn trong trò chơi:

- Thích thú chơi với bạn trong trò chơi do giáo viên tổ chức (cả năm)

